

<p>Bài 2 : HD cá nhân</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc yêu cầu bài tập. - Yêu cầu HS làm bài - GV nhận xét chữa bài - Yêu cầu HS nêu lại cách nhân, chia và các chú ý khi thực hiện các phép tính nhân , chia số đo thời gian. <p>Bài 3: HD cá nhân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc và tóm tắt đề bài. - Hướng dẫn HS cách giải. - Yêu cầu HS làm bài - GV nhận xét chữa bài <p>Bài tập chờ</p> <p>Bài 4: HD cá nhân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho HS đọc bài, tự làm bài. - GV quan sát, giúp đỡ HS nếu cần thiết. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tính - Cả lớp làm vào vở. - 2 HS lên bảng làm, chia sẻ kết quả $8 \text{ phút } 54 \text{ giây} \times 2 = 17 \text{ phút } 48 \text{ giây}$ $38 \text{ phút } 18 \text{ giây} : 6 = 6 \text{ phút } 23 \text{ giây}$ $4,2 \text{ giờ} \times 2 = 8,4 \text{ giờ}$ $37,2 \text{ phút} : 3 = 12,4 \text{ phút}$ - Cả lớp theo dõi - HS thảo luận cách giải - Cả lớp làm vở, 1 HS chia sẻ kết quả <p style="text-align: center;">Bài giải</p> <p>Thời gian cần có để người đi xe đạp đi hết quãng đường là:</p> $18 : 10 = 1,8 \text{ (giờ)}$ $1,8 \text{ giờ} = 1 \text{ giờ } 48 \text{ phút}$ <p style="text-align: right;">Đáp số: 1 giờ 48 phút</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc bài, tự làm bài sau đó chia sẻ kết quả. <p style="text-align: center;">Bài giải</p> <p>Thời gian ô tô đi trên đường là:</p> $8 \text{ giờ } 56 \text{ phút} - (6 \text{ giờ } 15 \text{ phút} + 0 \text{ giờ } 25 \text{ phút}) = 2 \text{ giờ } 16 \text{ phút}$ $2 \text{ giờ } 16 \text{ phút} = \frac{34}{35} \text{ giờ}$ <p>Quãng đường từ Hà Nội đến Hải Phòng là:</p> $45 \times \frac{34}{35} = 102 \text{ (km)}$ <p style="text-align: right;">Đáp số: 102 km</p>
<p>3.Hoạt động ứng dụng:(2 phút)</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - GV tóm lại nội dung bài học 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nghe
<p>4. Hoạt động sáng tạo:(1 phút)</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét giờ học - Dẫn HS về nhà ôn lại bài và chuẩn bị bài sau: <i>Ôn tập về tính chu vi, diện tích một số hình.</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nghe - HS nghe và thực hiện

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

.....

.....

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Hiểu nội dung, ý nghĩa: Cảm xúc tự hào của người cha, ước mơ về cuộc sống tốt đẹp của người con. (Trả lời được các câu hỏi trong SGK)

2. Kỹ năng:

- Biết đọc diễn cảm bài thơ, ngắt giọng đúng nhịp thơ
- Học thuộc 1, 2 khổ thơ trong bài.

3. Thái độ: Yêu thích môn học

4. Năng lực:

- **Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.**
- **Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mỹ.**

II. CHUẨN BỊ

1. Đồ dùng

- GV: + Tranh minh học bài đọc trong SGK.
+ Bảng phụ chép đoạn thơ “Cha ơi...Đề con đi”.
- HS: SGK, vở

2. Phương pháp và kỹ thuật dạy học

- Vấn đáp, quan sát, thực hành, thảo luận nhóm, trò chơi...
- Kỹ thuật đặt và trả lời câu hỏi, kỹ thuật trình bày một phút

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
1. Hoạt động khởi động: (5 phút)	
- Cho HS tổ chức trò chơi "Chiếc hộp bí mật" với nội dung đọc 1 đoạn trong bài <i>Út Vịnh</i> , trả lời câu hỏi: - <i>Út Vịnh đã làm gì để thực hiện nhiệm vụ giữ gìn an toàn đường sắt ?</i> - <i>Em học tập được ở Út Vịnh điều gì ?</i> - GV nhận xét, đánh giá. - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS chơi trò chơi - Vịnh đã tham gia phong trào Em yêu đường sắt quê em; nhận việc thuyết phục Sơn - một bạn thường chạy trên đường tàu thả diều; đã thuyết phục được Sơn không thả diều trên đường tàu. - Em học được ở Vịnh ý thức trách nhiệm, tôn trọng quy định về an toàn giao thông, tinh thần dũng cảm cứu các em nhỏ. / Vịnh còn nhỏ nhưng đã có ý thức của một chủ nhân tương lai, thực hiện tốt nhiệm vụ giữ gìn an toàn đường sắt ở địa phương, dũng cảm, nhanh trí cứu sống em nhỏ. / - HS nghe - HS ghi vở
2. Hoạt động luyện đọc: (12 phút)	
* <i>Mục tiêu:</i> - Rèn đọc đúng từ, đọc đúng câu, đoạn.	

<p>- Hiểu nghĩa các từ ngữ mới. - Đọc đúng các từ khó trong bài</p> <p><i>* Cách tiến hành:</i></p>	
<p>- Gọi HS M3,4 đọc bài. - Đọc nối tiếp từng đoạn trong nhóm.</p> <p>- Yêu cầu HS luyện đọc theo cặp. - Gọi HS đọc toàn bài. - GV đọc diễn cảm bài thơ - giọng chậm rãi, dịu dàng, trầm lắng phù hợp với việc diễn tả tình cảm của người cha với con; chú ý đọc nhấn giọng những từ ngữ gợi tả, gợi cảm (<i>rực rỡ, lênh khênh, chắc nịch, chảy đầy vai, trầm ngâm, ...</i>); lời của con: ngây thơ, hồn nhiên; lời cha: ảm áp, dịu dàng.</p>	<p>- Cả lớp theo dõi - Nhóm trưởng điều khiển nhóm đọc bài + 5 HS nối tiếp đọc từng khổ thơ lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó. + 5 HS nối tiếp đọc từng khổ thơ lần 2 kết hợp luyện đọc câu khó, giải nghĩa từ. - HS luyện đọc theo cặp. - HS đọc toàn bài - HS theo dõi.</p>
<p>3. Hoạt động tìm hiểu bài: (10 phút) <i>* Mục tiêu:</i> Hiểu nội dung, ý nghĩa: Cảm xúc tự hào của người cha, ước mơ về cuộc sống tốt đẹp của người con. (Trả lời được các câu hỏi trong SGK). <i>* Cách tiến hành:</i></p>	
<p>- Cho HS thảo luận theo các câu hỏi: + Những câu thơ nào tả cảnh biển đẹp? + Những câu thơ nào tả hình dáng, hoạt động của hai cha con trên bãi biển? + Hãy tưởng tượng và tả cảnh hai cha con dạo trên bãi biển dựa vào những hình ảnh đã được gợi ra trong bài thơ. + Hãy thuật lại cuộc trò chuyện của hai cha con? + Những câu hỏi ngây thơ cho thấy con có ước mơ gì? + Ước mơ của con gợi cho cha nhớ điều gì ? + Nêu nội dung chính của bài? - GV KL:</p>	<p>- HS thảo luận và báo cáo kết quả + Ánh mặt trời rực rỡ biển xanh; cát càng mịn, biển càng trong. + Bóng cha dài lênh khênh Bóng con tròn chắc nịch + Cha dắt con đi dưới ánh mai hồng Con bỗng lắc tay cha khẽ hỏi... - HS nêu - HS nối tiếp nhau thuật lại + Con ước mơ được nhìn thấy nhà cửa, cây cối, con người ở nơi tận xa xôi ấy... + Gợi cho cha nhớ đến ước mơ thuở nhỏ của mình. + Cảm xúc tự hào của người cha, ước mơ về cuộc sống tốt đẹp của người con.</p>
<p>4. Luyện đọc diễn cảm:(8 phút) <i>* Mục tiêu:</i></p>	

- Biết đọc diễn cảm bài thơ, ngắt giọng đúng nhịp thơ - Học thuộc lòng 1,2 khổ thơ của bài thơ. * <i>Cách tiến hành:</i>	
- Mời HS 5 nối tiếp đọc bài thơ. - Cho cả lớp tìm giọng đọc cho mỗi khổ thơ. - Cho HS luyện đọc diễn cảm khổ thơ 2, 3 trong nhóm 2. - Thi đọc diễn cảm. - Cho HS luyện đọc thuộc lòng, sau đó thi đọc - Cả lớp và GV nhận xét.	- HS đọc. - HS tìm giọng đọc diễn cảm cho mỗi khổ thơ. - HS luyện đọc diễn cảm. - HS thi đọc diễn cảm - HS thi đọc.
5. Hoạt động ứng dụng: (2 phút)	
- Cho HS nêu lại ý nghĩa của bài thơ - Chia sẻ với mọi người ý nghĩa của bài thơ.	- HS nêu
6. Hoạt động sáng tạo:(1 phút)	
- Về nhà tiếp tục học thuộc lòng bài thơ và đọc cho mọi người cùng nghe.	- HS nghe và thực hiện

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

.....

.....

Thứ năm ngày 25 tháng 4 năm 2019

Tập làm văn

TRẢ BÀI VĂN TẢ CON VẬT

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Biết rút kinh nghiệm về cách viết bài văn tả con vật (về bố cục, cách quan sát và chọn lọc chi tiết); nhận biết và sửa được lỗi trong bài.

2. Kỹ năng: Viết lại một đoạn văn cho đúng hoặc hay hơn .

3. Thái độ: Chăm thận, tỉ mỉ, nghiêm túc.

4. Năng lực:

- **Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.**

- **Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mỹ.**

II. CHUẨN BỊ

1. Đồ dùng

- GV: Bảng phụ ghi các lỗi phổ biến trong bài làm của HS

- HS: SGK, vở

2. Phương pháp và kỹ thuật dạy học

- Vấn đáp, quan sát, thực hành, thảo luận nhóm, trò chơi...

- Kỹ thuật đặt và trả lời câu hỏi, kỹ thuật trình bày một phút

<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS làm bài - Gọi HS đọc đoạn đã viết lại. - GV nhận xét. 	<ul style="list-style-type: none"> + Đoạn văn có nhiều lỗi chính tả. + Đoạn văn lủng củng, diễn đạt chưa rõ ý. + Đoạn văn dùng từ chưa hay... - HS làm bài - 3 – 5 HS đọc lại đoạn đã viết. - HS nghe
<p>3. Hoạt động ứng dụng: (2 phút)</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - Chia sẻ với bạn về bài viết của mình 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nghe và thực hiện
<p>4. Hoạt động sáng tạo: (1 phút)</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu những HS viết bài chưa đạt về nhà viết lại cả bài văn, HS có bài viết tốt về nhà đọc cho mọi người trong gia đình cùng nghe. - Cả lớp đọc trước nội dung tiết TLV tới. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nghe và thực hiện

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

.....

.....

Toán

ÔN TẬP VỀ TÍNH CHU VI, DIỆN TÍCH MỘT SỐ HÌNH

I. MỤC TIÊU

- 1. Kiến thức:** Thuộc công thức tính chu vi, diện tích các hình đã học và biết vận dụng vào giải toán.
- 2. Kỹ năng:** HS làm bài 1, bài 3.
- 3. Thái độ:** Cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác.
- 4. Năng lực:**

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo
- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học

II. CHUẨN BỊ

1. Đồ dùng

- GV: SGK, bảng phụ, bảng nhóm...
- HS : SGK, vở , bảng con

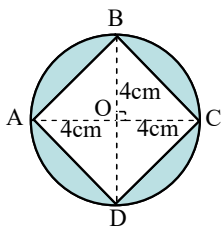
2. Phương pháp và kỹ thuật dạy học

- Vấn đáp, quan sát, thực hành, thảo luận nhóm, trò chơi...
- Kỹ thuật đặt và trả lời câu hỏi, kỹ thuật trình bày một phút

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
1. Hoạt động khởi động: (5 phút)	

<ul style="list-style-type: none"> - Cho HS tổ chức trò chơi "Bắn tên" với các câu hỏi như sau: + Em hãy nêu tên các hình đã học ? + Nêu cách tính chu vi của hình chữ nhật ? + Nêu cách tính chu vi của hình chữ vuông ? + Nêu cách tính diện tích của hình chữ nhật ? - GV nhận xét - Giới thiệu bài - Ghi bảng 	<ul style="list-style-type: none"> - HS chơi trò chơi - HS nghe - HS ghi vở
<p>2. Hoạt động thực hành:(28 phút)</p> <p><i>* Mục tiêu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuộc công thức tính chu vi, diện tích các hình đã học và biết vận dụng vào giải toán. - HS làm bài 1, bài 3. <p><i>* Cách tiến hành:</i></p>	
<p>*Ôn tập về công thức tính chu vi, diện tích các hình đã học.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu công thức tính chu vi và diện tích của một số hình đã học? - Nhận xét. <p>*Thực hành:</p> <p>Bài 1: HD cá nhân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc yêu cầu - Yêu cầu HS tự làm bài. - GV nhận xét, chữa bài. Yêu cầu HS nêu lại cách tính chu vi, diện tích hình chữ nhật <p>Bài 3: HD cá nhân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc yêu cầu - Yêu cầu HS tự làm bài. - GV nhận xét, chữa bài. Yêu cầu HS nêu lại cách tính chu vi, diện tích hình vuông, hình tròn, hình tam giác 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nối tiếp nêu (mỗi HS chỉ nêu công thức của một hình) - HS đọc đề. - HS cả lớp làm vào vở. - 1 HS lên bảng làm bài, chia sẻ <p style="text-align: center;">Bài giải</p> <p>Chiều rộng của khu vườn trồng cây là: $120 \times 2 : 3 = 80 \text{ (m)}$ Chu vi của khu vườn đó là: $(80 + 120) \times 2 = 400 \text{ (m)}$ Diện tích của khu vườn đó là: $80 \times 120 = 9600 \text{ (m}^2\text{)}$ $9600 \text{ m}^2 = 0,96 \text{ ha}$ Đáp số: a) 400 m b) 9600m²; 0,96ha</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc đề. - HS cả lớp làm vào vở. - 1 HS lên bảng làm bài, chia sẻ kết quả <p style="text-align: center;">Bài giải:</p> <p>Diện tích hình vuông bằng diện tích của 4 tam giác có diện tích bằng diện tích tam giác AOB và bằng:</p>



Bài tập chò:

Bài 2: HD cá nhân

- GV quan sát, nhận xét, giúp đỡ

$(4 \times 4 : 2) \times 4 = 32 \text{ (cm}^2\text{)}$
 Diện tích của hình tròn tâm O là:
 $4 \times 4 \times 3,14 = 50,24 \text{ (cm}^2\text{)}$
 Diện tích của phần hình tròn được tô màu là:
 $50,24 - 32 = 18,24 \text{ (cm}^2\text{)}$
 Đáp số: 18,24 cm²

- HS làm bài cá nhân, báo cáo kết quả cho GV

Bài giải

Đáy lớn là:
 $5 \times 1000 = 5000 \text{ (cm)}$
 $5000 \text{ cm} = 50 \text{ m}$
 Đáy bé là:
 $3 \times 1000 = 3000 \text{ (cm)}$
 $3000 \text{ cm} = 30 \text{ m}$
 Chiều cao là:
 $2 \times 1000 = 2000 \text{ (cm)}$
 $2000 \text{ cm} = 20 \text{ m}$
 Diện tích mảnh đất hình thang là:
 $(50 + 30) \times 20 : 2 = 800 \text{ (m}^2\text{)}$
 Đáp số: 800 m²

3. Hoạt động ứng dụng: (2 phút)

- Chia sẻ với mọi người về cách tính chu vi, diện tích một số hình đã học

- HS nghe và thực hiện

4. Hoạt động sáng tạo: (1 phút)

- Vẽ nhà vận dụng tính chu vi, diện tích một số vật dụng trong thực tế.

- HS nghe và thực hiện

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

Luyện từ và câu
ÔN TẬP VỀ DẤU CÂU (Dấu hai chấm)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Hiểu tác dụng của dấu hai chấm (BT1).

2. Kỹ năng: Biết sử dụng đúng dấu hai chấm (BT2, BT3).

3. Thái độ: Sử dụng dấu câu phù hợp

4. Năng lực:

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mỹ.

II. CHUẨN BỊ

1. Đồ dùng

- GV: Bảng phụ viết nội dung ghi nhớ về dấu hai chấm
- HS: SGK, vở

2. Phương pháp và kĩ thuật dạy học

- Vấn đáp, quan sát, thực hành, thảo luận nhóm, trò chơi...
- Kĩ thuật đặt và trả lời câu hỏi, kĩ thuật trình bày một phút

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
1. Hoạt động khởi động:(5phút)	
<ul style="list-style-type: none"> - GV cho 2 HS đọc đoạn văn nói về các hoạt động trong giờ ra chơi và nêu tác dụng của mỗi dấu phẩy được dùng - GV nhận xét - Giới thiệu bài - Ghi bảng 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc - HS nhận xét - HS ghi vở
2. Hoạt động thực hành:(28 phút)	
<p><i>* Mục tiêu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu tác dụng của dấu hai chấm (BT1). - Biết sử dụng đúng dấu hai chấm (BT2, BT3). <p><i>* Cách tiến hành:</i></p>	
<p>Bài tập 1: HD cá nhân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc yêu cầu - Yêu cầu HS nhắc kiến thức về dấu hai chấm. Sau đó GV mở bảng phụ - GV giúp HS hiểu cách làm bài: Bảng gồm hai cột: cột bên trái nêu tác dụng của dấu hai chấm; vị trí của dấu hai chấm trong câu. Cột bên phải nêu các ví dụ về dấu hai chấm được dùng trong câu. Trong bảng còn 3 khoảng trống, nhiệm vụ của em: Điền nội dung thích hợp vào từng phần đó - Yêu cầu HS làm bài - Trình bày kết quả 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu cầu bài. Cả lớp đọc thầm lại. - Một HS nhìn bảng đọc lại. Cả lớp đọc nhắm theo - HS theo dõi lắng nghe - HS làm bài vào vở hoặc giấy nháp, 3-4 HS làm bài vào bảng nhóm - Những HS làm bài trên bảng nhóm trình bày kết quả a) Một chú công an vỗ vai em : - Cháu quả là chàng gác rừng dũng cảm! → Đặt ở cuối câu để dẫn lời nói trực tiếp của nhân vật. b) Cảnh vật xung quanh tôi đang có sự